

Bài 16: Chinh Phụ Ngâm Khúc

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Đặng Trần Côn ở vào cuối đời Lê, là người Nhân Mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

Ông có chí học tập, thi đỗ Hương Cống, được bổ làm Huấn Đạo ở trường phủ, rồi đổi sang làm Tri Huyện Thanh Oái (Hà Đông). Sau cùng làm đến chức Ngự Sử Đài Chiêu Khâm rồi mất. Thọ chừng 40 tuổi.

Nhân xúc động vì cảnh loạn lạc trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh, ông viết ra **Chinh Phụ Ngâm Khúc** bằng Hán văn, được người đương thời hâm mộ và truyền tụng.

Ngoài **Chinh Phụ Ngâm Khúc**, ông còn làm nhiều thơ phú, tám bài thơ **Tiêu Tương Bát Cảnh** (tám cảnh ở sông Tiêu Tương), bài phú **Trương Hàn Tư Thuần Lư** (Trương Hàn nhớ rau thuần, cá vược), bài phú **Trương Lương Bó Y** (Trương Lương áo vải) và bài phú Khẩu Môn Thanh (Tiếng gõ cửa). Tiểu thuyết **Bích Câu Kỳ Ngộ** (cuộc gặp gỡ lạ ở xóm Bích Câu) cũng là tác phẩm của ông.

TIỂU SỬ DỊCH GIẢ

Bà Đoàn Thị Điểm (1705-1748), hiệu là Hồng Hà Nữ Sĩ, người làng Hiếu Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh. Theo gia phả họ Đoàn, thì tăng tổ của bà là Lê Công Năm, nội tổ là Lê Công Vị, thân sinh là Lê Doãn Nghi. Ông này vì năm mộng thấy một vị thần đến ban cho họ Đoàn nên cải tính và từ đó ông đổi lấy họ Đoàn.

Ông Đoàn Doãn Nghi lấy một bà kế thất sinh ra một trai, một gái là Đoàn Doãn Luân và Đoàn Thị Điểm. Bà Điểm có nhan sắc, có tư chất thông minh và tính tình trang nhã. Bà lại có biệt tài về nữ công nhất là thêu thùa. Ban đầu bà ở với cha, khi cha mất thì theo mẹ và anh về ở quê nhà tại làng Hiếu Phạm. Nhưng sau đó cả gia quyến lại dời về làng Vô Ngại, huyện Đường Hào, tỉnh Bắc Ninh là nơi ông Doãn Luân dạy học. Về thời kỳ này, người ta thường kể lại một giai thoại chứng tỏ óc thông minh và tài ứng đối của bà Điểm. Một hôm bà soi gương trang sức, ông anh ra câu đối:

Đôi kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm.

Câu này có nghĩa là *soi gương vẽ lông mày, một nét hóa thành hai nét*. Điểm là nét vẽ, lại là tên bà nên trong câu có ý: một nàng Điểm hóa ra hai nàng Điểm.

Bà đối lại:

Lâm trì ngoạ nguyệt chích luân chuyển tác song luân.

Câu này có nghĩa là *tới ao ngắm bóng trăng, một vàng hóa thành hai vàng*. Luân là vàng, lại là tên ông anh nên trong câu có ý: một ông Luân hóa thành hai ông Luân.

Về tại Đường Hào không được bao lâu, thì chẳng may ông Luân mất. Bà phải cùng chị dâu lo nuôi sống gia đình, một mẹ già và hai cháu dại. Vì đã từng nghiên cứu y khoa nên trong tình cảnh này bà phải làm nghề bốc thuốc để sinh nhai. Vì bận lo việc nhà nên bà không nghĩ đến đường gia thất. Có một vị quốc thích là Bình Trung Công muốn hỏi bà làm kế thất nhưng bà khẳng khái khước từ. Năm 1739, trong vùng bà ở không được yên ổn, bà đem mẹ và gia đình anh đến ở tại xã Chương Dương mở trường dạy học tại đó.

Năm bà 37 tuổi, có ông Nguyễn Kiều, một bậc tài hoa đậu tiến sĩ sớm góa vợ, hai ba lần gởi thư đến cầu hôn, lời lẽ rất khản kiệt. Ban đầu bà ngần ngại muốn từ chối nhưng vì chung quanh ai cũng tán thành thúc giục và vì có lời khuyên của mẹ, bà nhận lời lấy ông Nguyễn Kiều. Bà theo chồng về nhà ở tại kinh, được một tháng thì ông Kiều phải đi sứ sang Tàu tuế cống. Bà ở nhà coi sóc việc nhà và lo lắng nuôi dạy con chồng như con đẻ. Ba năm sau ông Kiều mới về nước. Năm 1748, ông được lệnh vào giữ chức Tham Thị ở trấn Nghệ An. Bà đi theo chồng nhưng dọc đường bà cảm hàn nhuốm bệnh thì đã nguy kịch. Ngày mùng 9 tháng 11 năm Mậu Thìn, sau khi dặn dò trời trăng việc nhà với chồng, bà mất hưởng thọ 44 tuổi.

Bà Điềm có lẽ đã trước tác nhiều nhưng phần lớn bằng Hán văn. Bà có soạn sách *Tục Truyền Kỳ* kể những chuyện lạ nước ta như chuyện *Hải Khẩu Linh Từ* (Bà thần Ché Thắng); *Vân Cát Thần Nữ* (Bà Chúa Liễu Hạnh); *An Ấp Liệt Nữ* (Vợ bé Đinh Nho Hàn); *Yến Anh Đối Thoại* (Yến Anh nói chuyện); *Mai Huyền*; *Hoành Sơn Tiên Hàn* (Cờ Tiên ở núi Hoành Sơn); *Nghĩa Khuyến Thập Miêu* (chó nuôi mèo). Về văn Nôm bà còn để lại dịch phẩm *Chinh Phụ Ngâm Khúc*, nguyên văn của Đặng Trần Côn.

LƯỢC TRUYỆN

Chinh Phụ Ngâm Khúc trong nguyên tác chữ Hán viết theo thể thơ khác. Ở đây được diễn Nôm bằng thể song thất lục bát, gồm tất cả 408 câu, nó có thể chia làm 4 phần sau đây:

1. *Mở Đầu* (từ câu 1 đến câu 4): Trời gây ra cảnh chiến chinh, khiến người thiếu phụ phải gian nan khổ sở.
2. *Thời Chinh Chiến* (5-24): Có giặc giã ở nơi biên giới. Nhà vua ban bố lệnh xuất chinh. Người thanh niên phải dẹp tình riêng, theo phép công, từ giã vợ con lên đường ra nơi chiến trận.
3. *Tiến Đưa* (25-64): Trong buổi lên đường, người chinh phụ tuy hăng hái vì việc công, cũng cảm thấy buồn trước cảnh biệt ly.
4. *Nỗi Lòng Người Chinh Phụ*: Từ buổi tiễn biệt, lòng chinh phụ ngồn ngàng trăm mối: nỗi lo lắng nhớ thương, niềm chán nản sầu muộn, sự trông đợi mong ngóng và cuối cùng là sự khắc khoải khẩn cầu chóng tới ngày sum họp với chiến công vẻ vang của chinh phu trong cảnh đất nước thanh bình.

BÀI TRÍCH

Lệnh Xuất Chinh (Từ câu 1 đến 24)

Thuở trời đất nổi cơn **gió bụi**,
Khách **má hồng** nhiều nỗi **truân chuyên**.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

Trông **Tràng Thành** lung lay bóng nguyệt,
Khói **Cam Tuyền** mờ mịt thức mây.
Chín tầng gương báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày **xuất chinh**.

Nước **thanh bình** ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tâm sá nào.

Đường dong ruổi lưng đeo **cung tiễn**,
Buổi tiễn đưa lòng bạn **thê noa**.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,
Thước gương đã quyết chẵn dung **giặc trời**.

Chỉ làm trai dẫm nghìn da ngựa,
Gieo **Thái Sơn** nhẹ tựa **hồng mao**.
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi **cầu Vy** ào ào gió thu.

Chú Thích

<i>Gió bụi:</i>	Dịch chữ <i>phong trần</i> ; cảnh loạn lạc giặc giã.
<i>Má hồng:</i>	(<i>Hồng nhan</i>) chỉ người đàn bà.
<i>Truân chuyên:</i>	(Khó đi) đây nghĩa là đau đớn, khổ sở.
<i>Tràng Thành:</i>	Đời Chiến Quốc, các nước Yên, Triệu, Tần, lợi dụng phía Bắc nhiều núi non hiểm trở, đắp Trường Thành để ngăn rợ Hồ. Sau Tần Thủy Hoàng gồm sáu nước, cho xây nốt những trường thành ấy lại gọi là Vạn Lý Trường Thành.
<i>Cam tuyền:</i>	Cách Trường An kinh đô nhà Tần hai trăm dặm. Khi nào có giặc thì đem đốt lửa, ngày đốt khói trên núi Cam Tuyền để báo tin cho Trường An biết.
<i>Chín tầng:</i>	(<i>Cửu trùng</i>) chỉ nhà vua.
<i>Xuất chinh:</i>	Đem quân đi đánh giặc.
<i>Thanh bình:</i>	Hòa bình.
<i>Áo nhung:</i>	Áo mặc đi đánh giặc.
<i>Sứ trời:</i>	(<i>Sứ tinh</i>) sứ nhà vua. Lấy tích “ <i>Lý Cát xem sao</i> ” mà biết nhà vua có sai hai sứ giả đến địa phận mình.
<i>Cung tiễn:</i>	Cung tên.
<i>Thê noa:</i>	Vợ con.
<i>Thành liên:</i>	Thành liên tiếp. Ngày xưa nước Triệu được hòn ngọc của họ Hòa, vua Chiêu Vương nước Tần xin đổi năm thành liên lấy hòn ngọc. Hòn ngọc ấy về sau gọi là ngọc liên thành.
<i>Giặc trời:</i>	(Bởi chữ <i>thiên kiêu</i>) giặc Hồ mạnh như con trời.
<i>Thái Sơn:</i>	Một dãy núi cao ở địa phận Sơn Đông.
<i>Hồng mao:</i>	Lông chim hồng. Tư Mã Thiên có nói: “ <i>Người ta ai cũng phải chết, nhưng có cái chết nặng như núi Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông chim hồng.</i> ”
<i>Cầu Vy:</i>	Cầu trên sông Vy.

ĐẠI Ý

Có giặc hăm dọa biên cương, nhà vua ban hành lệnh xuất chinh, người chồng gác tình nhà ra đi.

Giải Thích Và Phê Bình

Bố Cục

Đoạn này có thể chia thành 3 phần như sau:

1. 4 câu đầu: Chiến tranh nổi dậy.
2. 8 câu tiếp: Nhà vua ban hành lệnh xuất chinh và thúc giục lên đường.
3. Những câu còn lại: Tâm trạng, ý chí và hình ảnh của người nam nhi lúc lên đường.

Nội Dung

Đoạn này mở đầu *Chinh Phụ Ngâm Khúc* nói đến tình thế chiến tranh cấp bách, người chồng vì bổn phận phải lên đường. Hai câu đầu đã nói bao quát đến đại ý toàn thể khúc *Chinh Phụ Ngâm*; người đàn bà gặp nhiều điều khổ sở trong thời chinh chiến.

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.*

Những chữ *trời đất, gió bụi*, nhất là nỗi khổ của người đàn bà (câu 2) đặt liền cảnh chiến tranh tàn khốc (câu 1) làm cho ta có cảm tưởng rằng nỗi khổ ấy là một điều không thể tránh khỏi và như có nguyên nhân huyền bí. Phải chăng trời đất bày ra cảnh gió bụi để bắt kẻ má hồng phải chịu gian truân? Hai câu 3-4 là lời than vãn và cũng để nói rộng hai câu trên. Than trách số phận, chất vấn hóa công để rồi bất lực trước cái bí mật vô cùng của trời đất, sào chinh phụ đã bắt đầu lên tiếng ngay từ phút đầu.

Chiến tranh được báo hiệu bằng những hình ảnh vô cùng vĩ đại, tiếng trống đánh trên Tràng Thành làm lay chuyển ánh trăng, khói đốt trên núi Cam Tuyền mờ mịt cả trời mây. Sự thật có lẽ không được như vậy nhưng đoạn văn này có tính cách của một đoạn văn hùng tráng nên cảm giác mạnh bạo của thi nhân đã phóng đại sự thật để đánh mạnh vào trí tưởng tượng của người đọc và cũng nhờ đó ta dễ nhận thấy tính cách khẩn cấp và khốc liệt của cơn binh lửa. Nhà vua trịnh trọng trao gươm tướng soái và truyền hịch vào lúc nửa đêm, những chi tiết ấy đã tăng màu sắc cho cảnh biến động và làm cho tình hình thêm vẻ nghiêm trọng. Tình thế chiến tranh đã thay thế cho cảnh thái bình thịnh trị.

Tuy gặp lúc khẩn cấp, triều đình cũng không hoang mang và quyết định dụng binh đối phó, ban hành lệnh xuất chinh với mọi hình thức lễ nghi tôn nghiêm, hợp với thể thống của một nước có kỷ cương và cơ sở lâu dài:

*Nước thanh bình ba trăm năm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây.*

Đứng trước những sự phô trương trang nghiêm long trọng như vậy, lẽ cố nhiên người ra trận phải quên nỗi nhà mà nghĩ đến nhiệm vụ đối với nước.

*Sứ trời sớm giục đường mây
Phép công là trọng niềm tây xá nào.*

Tinh thể nghiêm trọng đã làm tăng vẻ đẹp hào hùng của chàng trai anh tuấn.

Đường dong ruổi lưng đeo cung tiễn.

Vai đeo cung tên, cỡi ngựa băng đường dài đó là hình ảnh có tính cách tượng trưng của một người nam nhi xông pha trận tuyến vì bổn phận thiêng liêng. Tuy vậy không ai cảm tâm hồn cường tráng và cao quý ấy có những phút xao xuyên vì tràn đầy tình cảm, nhất là trong khi phải chia lìa vợ trẻ con thơ:

*Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.*

Nhưng cuối cùng, người nam nhi đã đè ép được những tình cảm ủy mị vì chàng là con nhà dòng dõi, trẻ, mạnh, hoài bão lớn, chí khí cao, chàng đã thắng tình nhà, dứt áo ra đi giữa cảnh sắc đượm buồn vì cơn gió mùa thu:

*Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vỹ, ào ào gió thu.*

Văn chương đoạn này đẹp đẽ, trang nghiêm và hào hùng. Tả cảnh chiến tranh thì dùng những chữ: *lung lay bóng nguyệt, mờ mịt thức mây, trời đất, gió bụi*, để tỏ sự tôn nghiêm của mệnh lệnh triều đình thì dùng những chữ: *chín tầng, gươm báu, sứ trời, đường mây*, để tỏ sự anh dũng của người nam nhi thì có những câu đồng dục mạnh mẽ:

Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.

Hoặc:

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Nhưng có lẽ cái hay của đoạn này là do sự chen lẫn của hai cảm giác, cảm giác băng khuâng tê tái gây nên bởi tình cảnh đáng thương của chinh phụ chen lẫn với cảm giác rộn ràng khốc liệt của chiến tranh, hoặc cảm giác u buồn của cảnh ly biệt chen lẫn với tình cảm khăng khải của người nam nhi lúc lên đường. Người chiến sĩ cưỡi ngựa đi ra phía cầu sông Vy, tiếng roi vung rít lên trong cái âm ảnh của cơn gió mùa thu, chẳng khác nào hình ảnh của một ý chí dũng mãnh đang vùng dậy rắn chắc, để thắng mọi tình nhi nữ.

Đọc đoạn này, lòng ta rung cảm vì đã đứng trước cái cảnh tượng vừa trầm hùng vừa ảo não của những ngày có biến động.